

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ - TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2024/HNGĐ
Ngày 12/9/2024
V/v “Tranh chấp ly hôn
giữa bà Đ với ông T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Ông Nguyễn Tường Bích.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 281/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vinh Xương, xã VQĐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:** **Cao Văn T**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vinh Xương, xã VQĐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/4/2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Bà Huỳnh Thị Đ với ông Cao Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 9/1992. Tuy nhiên, hai bên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến tháng 1/2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Bà Đ cố gắng hàn gắn,

thuyết phục ông T xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Cao Văn T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Cao Minh T, sinh ngày 20/5/1993; Cao Thị Hồng T1, sinh ngày 19/4/2000. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2024, ông Cao Văn T trình bày:

Ông T thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Huỳnh Thị Đ. Vợ chồng ông T, bà Đ tự nguyện chung sống với nhau vào 9/1992. Tuy nhiên, hai bên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện tại, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, do đó bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Cao Minh T, sinh ngày 20/5/1993; Cao Thị Hồng T1, sinh ngày 19/4/2000. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự bà Huỳnh Thị Đ, ông Cao Văn T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân.

Bà Huỳnh Thị Đ với ông Cao Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992. Trong quá trình chung sống, hai bên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lời khai của hai bên đương sự phù hợp với xác nhận ngày 20/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Tây “Qua trích lục hồ sơ kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Tây không có tên Huỳnh Thị Đ và Cao Văn T”; Xác nhận ngày 20/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã VQĐ, huyện BD,

tỉnh Bến Tre “Qua trích lục hồ sơ kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Đông không có tên Huỳnh Thị Đ và Cao Văn T”. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: lời khai của bà Huỳnh Thị Đ, ông Cao Văn T là có căn cứ. Vì vậy, đủ cơ sở xác định bà Huỳnh Thị Đ với ông Cao Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo luật định và đến nay cả hai bên đều không có nguyện vọng đăng ký kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Đ với ông T là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Cao Văn T là có cơ sở và phù hợp với Điều 9, Điều 14 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Cao Minh T, sinh ngày 20/5/1993; Cao Thị Hồng T1, sinh ngày 19/4/2000. Các con chung đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Đ phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Cao Văn T.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Cao Minh T, sinh ngày 20/5/1993; Cao Thị Hồng T1, sinh ngày 19/4/2000. Các con chung đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Đ phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005776 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Vậy, bà Huỳnh Thị Đ đã nộp đủ án phí.

Các đương sự Huỳnh Thị Đ, Cao Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- UBND xã VQĐ;
- UBND xã Vang Quới Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi